

# **Câu chuyện Ngữ Pháp Việt Nam: Trần Ngọc Ninh, từ Cơ Cấu Việt Ngữ 1973 đến Ngữ Pháp Việt Nam 2017**

**Trần Đăng Thành**

## **Mục Lục**

---

### 1. Dẫn-nhập

1. Từ ‘Cơ-cấu Việt-ngữ.,1973’[CCVN.1973] đến ‘Ngữ-pháp Việt-Nam.2017’ [NPVN.2017], ‘Ngữ-Vụng Tiếng Việt đầu-tiên.2017’[NVTV.2017] và ‘Dạy Đọc Dạy Viết Tiếng Việt’.

### 2. Nền-tảng xuất-phát.

2.a. Kiến-văn bao trùm vài-thức xây-dựng.

2.b. Cơ-cấu-pháp và duyên-khởi-luận.

2.c. Noam Chomsky

2.d. Sự phức-hợp của vấn-đề và trung-đạo của GS TRẦN NGỌC NINH.

### 3. Ngữ-pháp mới của Việt Nam.

3.0.

3.0.i. Ba quyển đầu của bộ CCVN.1973

3.0.ii. CCVN.2007 & NGỮ-PHÁP VIỆT-NAM.2017.

3.1. Nguyên-lí nền-tảng và các Loại (N, V, A, P, C) của cú-pháp Việt-ngữ

3.1.i. Trong Việt-ngữ, chỉ có những dạng-vị (các tiếng-từ căn & các dạng-vị định loại). →3.1.ii. Định-nghĩa Từ.

3.1.iii.01. Từ N|danh-từ.→3.1.iii.02. Từ V|diễn-thuật-từ. →3.1.iii.03. Từ A|Cận-từ. →3.1.iii.04&05. Từ P|tiền-vị-từ&Từ C|Dẫn-cú-từ.

3.1.iv. Đoạn-dạng|Đd|đd.

3.2. PRO-X. Đại-từ.

3.3. Cú-pháp Việt-Nam

3.3.1. Mô-hình căn-bản của một câu Tiếng Việt.

3.3.2. Sự di-chuyển của các thành-phần trong một câu. Đề-mục & Tiêu-điểm.Tác-dụng vài-nghĩa.

### 4. ...để tiến vào thời vị-lai.

## 1. Dẫn-nhập

Người ta không biết bằng cách nào mà người khác có thể nhìn thấy cái mầm tài-năng ở một con người – GS. TRẦN NGỌC NINH đã viết đại-í như vậy trong một bài viết để tưởng niệm nhà văn Triều Sơn và tác-phẩm ‘Nuôi sọ’ trên báo ‘Tình Thương’. Mọi lời giải-thích đều khả-dĩ hợp-lí & tất-nhiên, đều thiếu-sót.

Thượng-tọa Thích Minh Châu – người con trai của một chí-sĩ họ Đinh đất Nghệ An trong phong-trào Đông Kinh Nghĩa Thục, con người vừa trở về từ đại-học Nalanda mới với tấm bằng TS (hiếm hoi vào lúc bấy giờ, chứ không như bây giờ) – đã nhìn thấy gì nơi người Bác-sĩ có tên Trần Ngọc Ninh; để rồi mời con người ấy đến Đại-học Vạn Hạnh thuyết giảng & chính-thức giảng dạy các giảng-khóa về Phật-học, về Văn-minh & Văn-hóa Đại-cương. Vài năm sau, sách ‘Đức Phật giữa chúng ta’ ra đời và cho đến nay, nó vẫn còn là một tác-phẩm giá-trị và vừa được Viện Việt-học tái bản cách đây vài năm. Nó có lẽ sẽ mãi còn là một tác-phẩm giá-trị nếu những người Phật-tử còn giữ được trong tâm ngọn lửa mãnh-liệt âm-thầm để đưa Đạo Phật thực-sự đi vào cuộc đời.

Cái bằng Agrége – mà ta dịch là Thạc-sĩ (pre75), xin lưu ý rằng nội-hàm của tiếng-từ /Thạc-sĩ/ này hoàn-toàn khác với học-vị ‘Thạc-sĩ’ mà nền giáo-dục hiện-tại của chúng ta đang dùng – là một cái bằng mà trong lịch-sử du-học/cầu-học của quốc-dân Việt Nam, đã không có nhiều người đạt được. Chàng tuổi trẻ Trần Ngọc Ninh đã trúng tuyển là một Agrége các I-khoa Đại-học-đường Pháp-quốc vào 1961. Tôi, người viết những dòng tiếng-từ này, không được biết rõ cũng như chưa từng được đọc các trước-tác chuyên-khoa về i-học (y-học) của Ông nên không dám lạm bàn; mặc dù cũng có biết cái danh của một vài quyển sách i-khoa phổ-thông mà Gs. đã viết chung với anh trai ông, nhà báo Trần Việt Sơn (tên thật: Trần Ngọc Lập). Những độc-giả của học-giả Thu Giang Nguyễn Duy Cần sẽ thường gặp cái danh của nhà báo Trần Việt Sơn khi đọc phần lời tựa của một vài quyển sách nào đó của vị học-giả chủ [yếu viết] về Lão-Trang của nền học-thuật miền Nam trước 1975 và có lẽ, là cho đến tận bây giờ.

Một số các bài viết về i-khoa phổ-thông của GS TNN đăng trên báo ‘Văn’ & ‘Vui sống’ nay đã được in lại trong sách ‘Tuyết Xưa.2001’. Danh-mục các bài viết của GS TNN về văn-chương, về văn-hóa và văn-minh, về huyền-thoại-học sẽ còn nổi dài khi ta lần giở mục-lục của các tạp-chí trước 75 như ‘Bách Khoa’, ‘Tu Tưởng’, ‘Vạn Hạnh’ cho đến những tạp-chí sau 75 ở hải-ngoại như ‘Văn Học’, ‘Thế-kỉ 21’, ‘Khởi Hành’, ‘Dòng Việt’...nhưng; chủ-đề trọng-tâm của bài viết này là về ngữ-lí-học Việt Nam & trong phần cuối của bài viết này, là ngữ-pháp-mới của Việt-ngữ.

**1. Từ ‘Cơ-cấu Việt-ngữ.,1973’[CCVN.1973] đến ‘Ngữ-pháp Việt-Nam.2017’ [NPVN.2017], ‘Ngữ-Vựng Tiếng Việt đầu-tiên.2017’[NVTV.2017] và ‘Dạy Đọc Dạy Viết Tiếng Việt’.**

Khúc đầu-tiên của phần 1, đúng ra, sẽ được dành để giới thiệu quyển ‘Nguồn-gốc Việt-ngữ’ mà GS.TNN đã ấn hành trước 1975. Nhưng sau mấy năm hỏi thăm quý vị chơi sách cũ và truy lùng các ngõ-ngách, sách vẫn bặt dạng; dù tôi biết rằng chắc chắn quyển sách này vẫn còn nằm ởđâu đó; vì tôi đã nhìn thấy một phần nội-dung của sách được trích dẫn trong ‘Từ-điển giải-thích thuật-ngữ ngôn-ngữ-học’ do Ô. Nguyễn Như Ý chủ biên (nxb Giáo Dục ấn hành.) Trong một cơ-cấu tổng-thể mà ta đang bàn đến, việc vẫn còn thiếu một (vài) cơ-phần (bộ-phận) có thể gây ra một số ảnh-hưởng nhất-định; nhưng đành vậy...!

Trong một bài nói chuyện về ngữ-pháp-mới của Việt Nam, được tổ chức tại Viện Việt-học vào tháng 5/2017, Gs TNN có kể lại rằng vào những năm cuối thập-niên 50 thế-kỉ trước, cả học-giới Pháp xôn xao vì một quyển sách vừa xuất thế đã khuấy động những cơ-tầng cao nhất của giới học-thuật toàn cầu. Những gợn sóng ấy đã tác động đến cả người bác-sĩ tương-lai Trần Ngọc Ninh, khiến ông bắt đầu nghiên cứu ngữ-lí-học và khởi đầu với âm-vị-học. GS TNN nói đại-í rằng, sau mấy chục năm nghiên cứu ông mới cho xuất thế một quyển sách rất mỏng là quyển ‘Dạy Đọc, Dạy Viết Tiếng Việt – phương-pháp mới theo âm-vị-học’ vì rằng, cách dạy đánh vần được truyền lại từ thời học-giả Hoàng Xuân Hãn cần được đánh giá lại theo những hiểu-biết của khoa-học đời nay. Xin trở lại thập-niên 50 của thế-kỉ 20: quyển sách ấy là quyển ‘Syntactic Structures.1957’ của Noam Chomsky.

Sau một quá-trình dài hơn một thập-niên, tập hợp, nghiên cứu, phân rã và xử lý dữ-liệu; ‘Cơ-cấu Việt-ngữ.I’ xuất thế vào 1973, quyển II và quyển III của bộ sách [dựđịnh] gồm 7 quyển này được in ngay sau đó. (Từđây, kí-hiệu ‘CCVN.1973’ sẽđược dùng để chỉđến 3 quyển sách này). ‘Cơ-cấu Việt-ngữ’ chính là cao-đỉnh cuối-cùng mà nền ngữ-lí-học miền Nam trước 1975 đã cống hiến cho quốc-gia dân-tộc. Nóđã kế thừa và tiếp nối những thành-tựu khai-phá mà các công-trình của Lê Văn Lý, Nguyễn Bạt Tụy, Trương Văn Chình & Nguyễn Hiến Lê, Bùi Đức Tịnh...đã đạt được. Và cho đến nay, 2019, nền ngữ-lí-học trong nước vẫn chưa tiến [được] đến những thành-tựu của thời-điểm 1973; nghĩa là vẫn chưa tiến đến những khai-phá và lập định mà CCVN.1973 đã cống hiến cho ngữ-pháp Việt-Nam. Ngữ-pháp Việt-Nam – thứ ngữ-pháp đang được giảng dạy cho các bạn trẻ – vẫn còn đang loay hoay trong cái vòng luẩn-quẩn của í-nghĩa|semantic, tuy đôi khi vẫn có những khám-phátheo thời, chủ yếu là về từ-nguyên-học. Sau 1975, CCVN.1973 đã bị bỏ lơ và hầu như không ai ngóngàng đến. Tôi không được rõ và cũng không dám đoán mò: Vì sao lại có sự-kiện này?

\* Một trong những lần hiếm-hoi mà cái danh của CCVN xuất hiện là trong danh-mục tài-liệu tham-khảo [tltk] sách ‘Ngữ-pháp Tiếng Việt.1986’ của tác-giảĐình Văn Đức. Tôi tạm để ra ngoài cái lần xuất hiện của CCVN.1973 trong bài viết ‘Vài nét về lịch-sử nghiên-cứu cú-pháp Tiếng Việt’ của Ô. Nguyễn Văn Hiệp vìđã đề cập vấn-đề này trong một bài viết khác. Cũng có một đôi lần, danh của CCVN.1973 xuất hiện trong một vài bài nghiên-cứu, nhất là những bài nghiên-cứu về quá-trình thụ-đắc ngôn-ngữở trẻ con.

Hoàn-cảnh chính-trị của giai-đoạn sau 1975 đã không cho phép các quyển còn lại của bộ CCVN.1973 ra đời. GS TNN rời nước ra đi vào năm 1979 và phải đến khoảng hơn 20 năm sau, ông mới trở lại với ngữ-lí-học Việt Nam khi chính-thức giảng dạy lớp ‘Ngữ-pháp Việt Nam’ tại Viện Việt-học từ 2008. Trên bề mặt, các sự-kiện tuy đã tiếp nối xảy ra như vậy, nhưng ta nên hiểu rằng quá-trình học-hỏi và nghiên-cứu của GS là không ngừng. Cô Trần Uyên Thi đã viết một phần giới-thiệu khoa-học và giản-dị về ngữ-pháp-mới của Việt-ngữ trong sách ‘Ước-vọng Duy

Tân', là tác-phẩm được tạo tác để kính dâng lên GS TNN nhằm mừng thọ 90 năm của Ô.

{Chỉ vài năm sau CCVN.1973, nền ngữ-lí-học hoàn-cầu đã trải qua một cuộc xung-đột, một trận tranh-luận mà có người gọi là cuộc Chiến-tranh Ngữ-lí (Linguistic War).Xuất-phát-điểm để nghiên cứu cú-pháp của một ngôn-ngữ là hình-thức hay í-nghĩa, hay là phải phối hợp cả hai với một thứ-tự-ưu-tiên nào đó?Không ai & cũng không có tài-liệu nào có thể cho ta một câu trả lời hữu-lí. Những tiên-đề là những cái nền mà độ dày của nó có lẽ cũng chỉ ngang với một lớp băng mỏng mà một dòng sông trong một khu-vực lạnh-giá nào đó vừa tạo thành. Người nghiên-cứu buộc lòng phải chọn , như việc lựa-chọn một hệ tiên-đề trong toán-học để làm điểm xuất-phát cho công-cuộc nghiên-cứu của mình. Và những hệ-quả của một thao-tác chọn-lựa là vô-cùng và không-thể-tiên-lượng. }

GS TNN đã sử dụng rất nhiều khai-phá và lập-định của Noam Chomsky để xác lập cơ-cấu Việt-ngữ, nhưng 'không phải tất cả những gid N.Chomsky viết ra cũng đều như Thánh Kinh thiên-khải bất-khả-tư-nghị'. Cái nền của GS là cơ-cấu-pháp mà từ một góc nhìn nào đó, ta có thể hiểu rằng đó là sự cụ-thể-hóa nguyên-lí duyên-khởi-luận của Phật-học:

“Vạn pháp từ duyên sinh |Lại từ duyên mà diệt

Bậc Giác Ngộ tuyệt vời |Đã từng như vậy thuyết”

(C) Thầy Nhất-Hạnh dịch.

Các khai-phá của N. Chomsky đã được GS.chấp nối vào công-trình của ông cùng với rất nhiều khám-phá của các học-giả khác.

Quá-trình giảng dạy lớp 'Ngữ-pháp Việt-Nam' đã cho phép GS sắp/sắp-xếp & hệ thống lại toàn bộ những í-tưởng và suy-tư của ông về ngữ-pháp Việt-Nam. Và nhờ vậy, sách 'Ngữ-pháp Việt Nam' đã được ấn hành vào 2017 – đúng ra, sách đã có thểấn hành sớm hơn, nhưng Gs. đột-ngột ngã bệnh vào năm 2015–; đánh dấu một

cột mốc khác cho Việt-ngữ: ngữ-pháp Việt Nam, về cơ-bản, nay đã thành & hoàn-toàn phù hợp với những khai-phá mới nhất của nền ngữ-lí-học đương-đại.

Và, song hành cùng NPVN.2017 là một tác-phẩm kiệt-xuất khác của vị Đại-giáo-sư họ Trần: NGỮ-VỰNG TIẾNG-VIỆT ĐẦU-TIÊN – dành cho lứa tuổi từ 5 năm đến 15 năm. Sách này là một tập ngữ-vựng với những tiếng-từ đã được Gs chọn lựa và định nghĩa, là một quyển sách đã được soạn thảo có chủ-í & tuân theo những khám-phá mới nhất của khoa-học hiện-đại – nhất là về tâm-ngữ-lí-học – để trẻ em Việt Nam có thể học Việt-ngữ và cú-pháp Việt-ngữ bằng phương-cách nhập-tâm. Về phương-diện thực-tiến của sự giáo-dục, trong hiểu-biết hạn-hẹp của mình, tôi đánh giá quyển ‘Ngữ-vựng ...’ này còn cao hơn cả NPVN.2017. Tất nhiên là sự so-sánh này chỉ để nói lên tầm quan-trọng về mặt thực-tiến của NVTV.2017, vì rằng mỗi công-trình mang theo một sắc-diện khác nhau vì đã hướng đến các mục-tiêu không giống nhau.

## **2. Nền-tảng xuất-phát.**

### **2.a. Kiến-văn bao trùm vài-thức xây-dựng.**

Í-thức xây-dựng của những người Việt – đã trưởng thành trong quãng thời-gian ngắn-ngủi của nền giáo-dục thuộc-địa trước 1945 – là một í-thức mà một số nhà nghiên-cứu đã nhận xét về các bậc tiền-bối rằng, đây là một thế-hệ vàng của nền học-thuật dân-tộc; khi cái học cũ với khí-cụ Hán-ngữ vẫn còn được giữ lại trong tâm-thức họ và cái học mới, với khí-cụ là Pháp-ngữ & Anh-ngữ, đã được thế-hệ này nắm lấy một cách vững-vàng với ước-mong thâm tóm tri-thức của toàn thiên-hạ vào thời-điểm ấy, để phụng sự quốc-gia và dân-tộc. Sự nghiên-cứu về thế-hệ này đã được viết thành một chương trong quyển sách ‘Ba thế-hệ trí-thức người Việt’ của GS. Trịnh Văn Thảo nên tôi nghĩ rằng, trong bài viết này, việc liệt-kê một danh-mục dài bao gồm những cái danh của những học-giả tiền-bối cũng như những cái tên của những con người đã đi vào ở hẳn trong lịch-sử với những công-tích không liên-quan đến học-thuật, là một việc không cần-thiết.

GS TRẦN NGỌC NINH đã là một người trưởng thành trong thế-hệ ấy, tuy rằng, sự học của chàng tuổi trẻ Trần Ngọc Ninh sẽ còn nối dài với những năm tháng trên đất Pháp để học và lấy bằng Agrége về I-khoa. Trước khi xuất ngoại du học, GS.TNN kể rằng ông đã làm xong một hòm thẻ để ghi các tiếng-từ Việt Nam do ông góp nhặt và sắp xếp, và lập định cơ-cấu; với mộng-ước sẽ tiếp nối cái công-trình lừng-danh đã đặt hòn đá tảng cho danh-từ chuyên-môn Việt-ngữ: ‘Danh-từ Khoa-học’ của GS Hoàng Xuân Hãn, một người thầy dạy Toán của ông, trong ba năm tại trường Bưởi. Đến khi chàng trở về nước, cái kho thẻ ấy đã thất tán; công-trình mộng-ước của một thời tuổi trẻ tan thành tro bụi và GS sẽ tiếp tục công-việc ấy với một vị-trí trong Ủy-ban Soạn-thảo Danh-từ Chuyên-môn (tại miền Nam trước 1975) và, trong những tác-phẩm do chính ông soạn thảo.

Với một í-thức xây-dựng to lớn như vậy, thì việc tự trang bị cho chính mình một kiến-văn bao trùm tất-cả các lĩnh-vực – với một bề rộng bao quát tổng-thể và một chiều sâu tương-ứng ở những chủ-đề riêng-biệt – là một việc chắc chắn đã được quý-vị thực hiện. Chúng ta sẽ không nhắc lại những sáo-ngữ như một lời tán tụng, trong các công-trình đã xuất thế của GS – cho đến 2018 này – mỗi một dòng tiếng-từ là một minh-chứng hùng-hồn cho điều tôi vừa nêu lên và là chủ-đề của đoạn văn này. Thêm nữa, tôi vẫn chưa đề cập [đến] – \*/cập/ là /đến/, tôi vừa viết cái khúc ngay trước mà vừa băn khoăn, chưa biết nên giải quyết vấn-đề này bằng cách nào; vì sự mượn các tiếng-từ Hán-ngữ tuy đã làm giàu cho kho ngữ-vựng của chúng ta rất nhiều nhưng để lại một vài khó-khăn về cú-pháp mà ta phải vượt qua! –khía-cạnh văn-chương của các công-trình ấy. “Sự hiện-sinh của một bản văn cũng có lịch-sử-tính như mỗi phút sống thực của một con người”. GS đã viết như vậy, trong ‘Tuyết Xưa’.

## **2.b. Cơ-cấu-pháp và duyên-khởi-luận.**

Xuất-phát-điểm để tiến hành nghiên-cứu khoa-học là gì? Mọi câu trả lời mà chúng ta đã có cho đến nay hầu như đều hữu-lí và hình như, vẫn chưa đầy đủ, vẫn còn thiếu một điều gì đó. Sự nắm-bắt toàn-thể những mối liên-hệ duyên-khởi đã tự thành một ‘pháp’ là một điều mà không biết đến khi nào nhân-loại mới có thể đạt

tới; có lẽ chỉ ngoại trừ đấng Thiên-Nhân-sư Nhất-Thiết-trí của chúng ta: Đức Phật Sakya Muni. Tuy vậy, khoa-học vẫn phải hoài hoài đi tới; các giả-thuyết vẫn được lập ra, có thể trụ một thời-gian, rồi lại bị phá đi để tiến lên một thuyết khác, tiến-bộ hơn và giản-dị hơn...

\* Một sự nghịch-ngợm tư-duy của người viết-bài-này: Tiếng-từ ‘pháp’ trong danh|thuật-ngữ|term ‘cơ-cấu-pháp’ có thể có hai cách giải-thích: **(i)** /pháp/ trong tiếng-từ /phương-pháp/, ‘cơ-cấu-pháp’ là ‘phương-pháp cơ-cấu’. Cách giảng nghĩa này là cách giảng đúng và phổ-thông lâu nay về ‘cơ-cấu-pháp’, riêng tôi lại lẫn-thẩn nghĩ thêm: **(ii)** theo nghĩa của Phật-học: bất kì một sự vật, hiện-tượng nào có thực trong cõi đời hay là một í-niệm trừu-tượng được xây dựng bởi tư-duy và trí-tưởng, khi đã hiện thành (có mặt) thì đều được gọi là (một) ‘pháp’. Cái ‘pháp’ ấy rộng về thực-tính “lỗi” (Không-tánh) vì đã có mặt dựa trên duyên-khởi (y-tha-khởi ‘dựa vào cái khác mà khởi [lên]’). ‘Cơ-cấu-pháp’, do vậy, cũng có thể được diễn-giải theo định-nghĩa về ‘pháp’ của Phật-giáo, là ‘cơ-cấu của một ‘pháp’’. Với cách nhìn thứ hai, ta đi vào duyên-khởi-luận của Phật-giáo và quả thực, theo tôi, cơ-cấu-pháp cũng như tư-duy phức-hợp của Edgar Morin là những cách nhìn đã tiến rất gần đến duyên-khởi-luận của Phật-giáo, và có thể được xem là những góc nhìn đã được cụ-thể-hóa của duyên-khởi-luận.

{Cách nhìn thứ (ii) đã vi phạm mẫu-hình thành-lập các tân-từ (từ tân-tạo) của Việt-ngữ, nên tôi ghi chú rõ ở đầu đoạn này, rằng đây là một sự nghịch-ngợm của người viết.} Xin được trở lại với cơ-cấu-pháp và xin mời quý-vị nghe chính GS TNN giảng về cơ-cấu-pháp:

“Cơ-cấu (structure) là một í-niệm (concept). Cơ-cấu-pháp là một phương-pháp (méthode). Không có chủ-nghĩa Cơ-cấu, và ta dịch *structuralisme* là “chủ-nghĩa” là một sai-lầm cơ-bản. Một vài tác-giả như Claude Lévi-Strauss có tư-tưởng và có xây dựng lí-thuyết, nhưng các lí-thuyết là những chặng đường khoa-học lập ra để kết tinh một giai-đoạn học-hỏi rồi phá đi nếu có thể, để lên giai-đoạn trên. Khoa-học không chấp nhận chủ-nghĩa.



Cơ-cấu là một í-niệm đã nảy nở ra từ tư-tưởng của đại-văn-hào Goethe và đi vào Sinh-học rồi Hóa-học trước.

Toán-học phải tự xét lại sau trận động-đất của Godel. Nhóm Bourbaki ở Pháp bỏ phương-pháp định-đề (axiomatic method) và tuyên bố dựng những cơ-cấu Toán trên thuyết tổ (tập hợp, set theory, théorie des ensembles).

Vật-lí học đi vào những cơ-cấu nguyên-tử (tinh thể, kim-chất, thuyết các khí) và cơ-cấu của nguyên-tử. Hóa-học nhận nguyên-tử và quantum (lượng-tử) là căn-bản và đặt ra cơ-cấu của các chất. Sinh học tự sắp xếp lại và sau cùng, gần đây, đi hẳn vào nhãn-quan cơ-cấu khi cấu-thức phân-tử của DNA được khám-phá.

Cơ-cấu thành một cách nhìn sự-vật cạnh tranh với cái nhìn qui-giảm (reductionism, tin tưởng rằng toàn-thể các hiện-tượng trong trời đất, kể cả những hoạt-động của tâm-thần, đều sẽ được qui về cái mối hay cái nền là Vật-lí-học.)

Sự qui-giảm không ra ngoài được khoa-học vật-chất. Cơ-cấu-pháp lúc đầu cũng ở những lãnh-vực các khoa-học chính-xác, lên đến Sinh-học (vạn vật, cơ thể, sinh-lí-học, thuyết tiến-hóa, di-truyền-học); nhưng rồi dần-dà xâm nhập vào địa-hạt của các khoa-học nhân-văn mà người ta nghĩ là sẽ không bao giờ lên trên được trình-độ thấp nhất là sưu tầm, miêu tả sự-kiện, rồi sắp xếp theo những tiêu-chuẩn và lẽ-lối sơ-đẳng. Khoa ngữ-lí (linguistics) được khai sinh, và rất-sớm, vượt qua giai-đoạn cơ năng (functional) mà đi vào cơ-cấu-pháp. Roman Jakobson là một ngôi sao sáng của Ngữ-lí-học cơ-cấu (structural linguistics). Ông và Trubetzkoy đã lập ra Âm-vị-học (phonology), rồi ông lại thấy được rằng các âm-vị (phonème), như [a, e, i, o, ô, u] và [b, c, d, l, m, n] khác nhau từng đôi một bởi một nét dị-biệt. Ngữ-lí-học bước thẳng vào khoa-học với những khám-phá ấy, cũng như trong Hóa-học, các nguyên-tố được định tính và nhà Hóa-học tìm những tính ấy để biết được cấu-tạo nguyên-tử của một hóa-chất và các chức (functions) có trên hóa-chất.” © Trần Ngọc Ninh.

“Cơ-cấu (structure) là một í-niệm (concept). Cơ-cấu-pháp là một phương-pháp (méthode)”. Chủ-nghĩa là một hệ-thống cấu-trúc cứng-rắn với những định-luận, những kết-luận đã thành. Trong ‘Tố Như & Đoạn Trường Tân Thanh’, GS viết thêm : “Đức Phật nói rằng tất cả mọi chủ-nghĩa đều trói buộc con người, cả người nói lẫn người nghe”. Mọi ‘pháp’ đều là pháp đang thành, đã thành và sẽ thành – tùy thuộc vào thời-điểm mà người nghiên-cứu muốn xác lập cơ-cấu (đẳng-thời) –, và do vậy nên được nhìn đúng như nó là; (tôi không biết là chúng ta đã đi vào địa-hạt của hiện-tượng-học chưa?). Nhìn một “pháp” theo tất-cả mọi khía-cạnh tự-nhiên của nó, hình như là tự-nhiên-luận của Noam Chomsky.

### **2.c. Noam Chomsky**

Đôi khi, ta phải nói quá lên, phải trung dẫn những đối-nghịch, phải lập luận một cách sắc bén để nhấn mạnh hoặc khẳng định một sự-kiện hay một nhận-định nào đó. Liệu rằng, thiên-hạ có quá lời chằng khi nói ‘Noam Chomsky là một trong mười người thông-minh nhất của nhân-loại cho đến nay vẫn còn tại thế’? Nhưng có một điều chắc-chắn rằng, trong lời nói ấy, vẫn có cái lõi của một sự thực: sau Noam Chomsky và với N. Chomsky, nền ngữ-lí-học toàn cầu đã hoàn-toàn khác hẳn.

Và tôi nghĩ rằng, chúng ta cũng nên có một chút hãnh-diện vì đã có một người Việt Nam đã luôn theo sát với những khai-phá mới nhất của N. Chomsky, từ điểm xuất-phát ‘Syntactic Structures. 1957’ (Các cơ-cấu của cú-pháp) cho đến cột mốc cuối-cùng là ‘Minimalist Program’ (Chương-trình tối-thiểu). ‘Cơ-cấu Việt-ngữ’ đã được xây dựng trên một cái nền kiến-văn tổng-thể với khí-cụ chính-yếu là cơ-cấu-pháp – trong một tư-duy rộng lớn của duyên-khởi-luận – & đồng-thời đã chấp nối những khám-phá mới nhất của N. Chomsky (trong từng chặng một) cũng như ngữ-pháp cú-phần cơ-cấu của Pollard để làm cho hệ-thống xây-dựng ngày một minh-bạch, giản-dị và rõ-ràng.

GS TNN viết: “Tôi học ngữ-pháp của Chomsky từ những sách đầu tiên của ông và vẫn còn học hỏi qua những khảo-cứu của trường-phái, có một trụ-sở lầu 12 của

Massachusetts Institute of Technology, nhưng đã lan rộng ra gần hết mặt đất. Tôi bắt đầu thấy rằng có thể viết một bộ Ngữ-pháp Việt-ngữ theo ngữ-lí-học(Linguistic) cơ-cấu và đặc-biệt theo ngữ-pháp của Chomsky. Nhưng nếu giảng Cú-pháp của Chomsky mà không định nghĩa lại từng niệm-thể(concepts) của Ngữ-pháp xưa theo những hiểu biết của đời nay thì chỉ là chuyện ảo-tưởng.”

[tr-106 –NPVN.2017].

## **2.d. Sự phức-hợp của vấn-đề và trung-đạo của GS TRẦN NGỌC NINH.**

Cõi sống này, bao gồm cõi tự-nhiên và cõi nhân-sinh lồng ghép trong nhau, là một cõi hỗn-mang không bờ không bến. Ta choáng ngợp trước một mạng lưới mà ta không đủ ngôn-từ để diễn-tả sự phức-tạp của những mối liên-hệ giữa các bộ-phận với nhau và giữa bộ-phận với toàn-thể. Tuy rằng, cái hình-ảnh lưới trời Đế-Thích (Lưới Indra) của Phật-học nay đã có một thí-dụ minh-họa tuyệt-vời là lưới indra-internet.

Người ta dùng ngôn-ngữ để chỉ đến, để nói về sự vật, hiện-tượng, í-niệm; đồng-thời, lại dùng chính ngôn-ngữ để nói về ngôn-ngữ. Vấn-đề ngôn-ngữ là một vấn-đề mà ở đó, tính phức-hợp (theo nghĩa mà Edgar Morin đã định) thể hiện rõ nét nhất và cũng bao trùm nhất.

GS TRẦN NGỌC NINH là một học-giả về Phật-học. Bài giảng cuối-cùng của GS vào 1977 trước khi ông rời nước ra đi là một bài giảng về trung-đạo của Phật-giáo – “cái Đạo Giữa của Đức Phật, từ chối những Đường cực-đoan”. CCVN, do vậy, đã được xây dựng trên một í-thức sâu-sắc về trung-đạo. Trong CCVN.1973, tuy vẫn ưu tiên cho cơ-cấu hình-thức của một câu, nhưng GS không hề rời bỏ phạm-trù- nghĩa của các tiếng-từ; nhưng với một lưu-í căn-bản rằng hình-thức phải đi trước một bước. Trong NPVN.2017, một lần nữa GS nhắc lại: “Chomsky nói là Sự Chọn-lựa Loại (Category Selection, C-Selection) đi trước Sự Chọn-lựa Nghĩa (Semantic Selection, S-Selection). Trong thực-tế thì hai sự chọn-lựa ấy đi sát nhau vì sự lưu-truyền của dòng thần-kinh phải đo bằng phần nghìn của giây (milliseconds).” ©[tr-117–NPVN.2017].

Và, trong sự xây-dựng của GS đối với ngữ-pháp Việt-Nam, thì định-nghĩa về Loại P|preposition|tiền-vị-từ sẽ không theo định-nghĩa về Từ P của N.Chomsky. Cũng như trong CCVN.1973, GS đã “càm ràm” N.Chomsky về hai biến-cải cốt-thức và dụng-thức, GS nói, “tôi không đồng í hoàn-toàn với hai danh này của N.Chomsky; vì cả hai cấu-phần đều có tính-cách biến-cải”.

Tinh-thần chân-chính của một học-giả làm khoa-học!

### 3. Ngữ-pháp mới của Việt Nam.

#### 3.0. “Thiên lí chi hành, thủy ư túc hạ.” ©Lão Tử. Đạo Đức Kinh.

##### 3.0.i. Ba quyển đầu của bộ CCVN.1973

GS TRẦN NGỌC NINH, kiến-văn quảng-bác, (ta có thể dùng tiếng-từ ‘thâm-quảng’ mà Phạm Công Thiện hay dùng), đúng như một câu nói mà cổ-văn truyền lại: “độc thư phá vạn quyển”. Khi Ô. viết, những xây-dựng (câu) tuy rằng được lập thành từ những tiếng-từ giản-dị [đã được chọn lựa kĩ-lưỡng] nhưng ông đã cố gắng dồn nén tất-cả tri-thức đến hết mức có thể. Như chính Gs đã tự nhận trong một bài viết trao đổi với nhà nghiên-cứu Đặng Tiến về CCVN.1973.I trên tạp-chí ‘Bách-Khoa’ (pre75), đại-í rằng, “nhiều chỗ cô-đặc lắm, nên có thể thành ra khó hiểu”. Quả thực là như vậy, GS đã cô-đúc kiến-thức của ngữ-lí-học đại-cương và các khuynh-hướng hiện-thời của ngữ-lí-học vào thời-điểm ấy chỉ trong vòng khoảng vài chục trang A5, biểu làm sao nó không cô-đặc. Về sau, Gs sẽ có một lần nói rõ quan-niệm của ông, lồng ghép trong bài viết “*Sự-nghiệp, tư-tưởng và hương-hỏa của một nhà-đại-trí-thức: Claude Lévi-Strauss (1908-2009)*”: “Một quyển sách không chỉ là kết-quả của sự cóp nhặt sưu tập những tài-liệu vụn-vặt. Tôi gọi những sách ấy là những thùng rác. Trang-tử còn nặng lời hơn thế nữa trong văn-chương như sương sớm, như mây bay của ông.” ©TNN.

Do vậy, việc đi vào ‘Cơ-cấu Việt-ngữ’ là một việc không dễ dàng, nếu người đọc chưa chuẩn bị một cái nền tri-thức căn-bản vững-vàng, đầy-đủ & không í-thức rõ-ràng về những bức tường sở-tri-chương (chương-ngại của cái mà ta-đã-biết) đã thành hình trong tâm-thức/não-bộ (mind/brain) của chính mình.

Với các độc-giả của bài viết này, tôi có một lời đề-nghị ngắn-gọn cho quý-vị nếu quý-vị có-định và bắt đầu đọc ‘Cơ-cấu Việt-ngữ’: hãy nắm vững các kí-hiệu cũng như hệ-thống logic|luận-lí căn-bản của toán-học.

CCVN.I bàn về ‘Sự phát-triển ngôn-ngữ ở trẻ con và cơ-cấu cú-pháp sơ-giải’. Trong đó, GS trình bày tổng-quan (một cách cực-kì ngắn-gọn ) về các khuynh-hướng của nền ngữ-lí-học đương-đại & nhưng điểm ưu-thắng của cơ-cấu-pháp ngay trong phần mở-đầu. Đồng thời, tác-giả chỉ ra những trở-ngại mà việc nghiên-cứu Việt-ngữ đã gặp phải cũng như những tiên-kiến(định-kiến) đã có về ngữ-pháp Việt-Nam.

“ Chữ nôm và chữ quốc-ngữ mà ta dùng để viết đã làm cho ta tưởng rằng Tiếng Việt là một ngôn-ngữ hoàn toàn độc-vận giống như hoa-ngữ(\*). Tiên-kiến này là một trở-lực tâm-lí lớn mà tôi do dự lắm mới dám vượt qua. Những nhận-xét của tôi đi đến kết-luận rằng Việt-ngữ xưa là một *ngôn-ngữ đa-vận, có tiếng nhánh* (mots dérivés), có *uyển-thể* (formes flexionnelles) và có *chức-thể* (cas), nhưng phần lớn những tính-cách này đã bị mất đi hay bị biến-thể sau sự xâm-nhập của hoa-ngữ.”[tr-XXX. CCVN.I]

Trong phần dẫn-nhập của CCVN.I, thưa quý-vị độc-giả, có những dòng kí-tự mà Gs rờn nén kiến-văn tới mức tôi tưởng như là đang phải đọc những khẩu-quyết, những nguyên-lí để rồi, sau khi đọc trọn vẹn 3 quyển CCVN tôi mới có thể trở lại những dòng kí-tự mở-đầu ấy để thấy chúng lại hiện ra dưới một ánh sáng mới. GS đã theo đúng truyền-thống viết phần tổng-luận cho một tác-phẩm của nền học-thuật Tây-phương. Những trang sách đẹp, nhưng tôi không dám trích dẫn quá nhiều, chỉ xin trích thêm ở đây một khúc mà ở đó, Gs khẳng quyết về một loại dấu-hiệu ngữ-lí có thể nói là rất đặc-chủng của Việt-ngữ: “Một loại dấu-hiệu rất đặc-biệt trong cơ-cấu Việt-ngữ là những *từ chấm câu* hay những *đoạn-từ*, chưa bao giờ được các nhà ngữ-học Tây-phương khảo sát tới. Hệ-thống những từ thay-thế cũng là một phần rất đặc-biệt trong Việt-ngữ chưa được phân tích cho đến nay.”[tr-XXXI.CCVN.I.]

Sau phần dẫn-nhập, tác-giả đi vào phân tích quá-trình phát triển ngôn-ngữ ở trẻ con, và nhấn mạnh một nhận-định của N.Chomsky, ‘ngữ-pháp của một ngôn-ngữ phải được khám phá ra bởi đứa trẻ, từ những gì mà nó thụ-đắc’.

Phần còn lại của CCVN.I trình bày về cơ-cấu cú-pháp Việt Nam một cách sơ-giải với những thí-dụ là những bài hát mà trẻ con hát, trẻ con chơi, vốn là những cái khuôn để đứa trẻ có thể nhập tâm cú-pháp Việt Nam vào trong các cơ-phần của Ngôn-ngữ Nội (I-language). Tác-giả nhấn mạnh rằng mô-hình vững-chắc của câu Việt-ngữ trong đại-ngữ-pháp là S-V-O (Chủ-tử – Diễn-tử – Bổ-(khách)-tử) đồng thời đề cập đến một lớp các câu mà trong đó, [ta tạm hiểu là] bổ-tử O đã được di chuyển lên trước, [thường là] đứng hẳn ở đầu câu để làm thành Chủ-đề|Topic của câu. [Mô-hình của loại câu này, thường được gọi là mô-hình Đề-Thuyết (Đ-T); là mô-hình mà nhà ngữ-lí-học Cao Xuân Hạo (CXH) đã cố gắng chứng minh là mô-hình cú-pháp độc-nhất của Việt-ngữ, trong các công-trình nghiên-cứu của ông.] [Tuy nhiên, vấn-đề của những câu mà CXH cho rằng chúng có mô-hình Đ-T thì còn phức-tạp hơn cả sự di-chuyển bổ-tử O, khi các đoạn-dạng đa-đoan ‘thì, mà, là...’ tham dự vào trong mô-hình câu. Tôi sẽ trở lại vấn-đề này ở mục 3.3.2 của bài viết này. GS TNN sẽ còn trở lại với mô-hình này trong CCVN.III một lần nữa, ông bâng-khuâng về cách nói này trong Việt-ngữ, “Phải chăng rằng, có một lúc nào đó trong quá-khứ, hình-thức (với bổ-tử đứng trước diễn-tử) đã được dùng một cách thông-thường, và chính trong cái thời ấy mà những câu tục-ngữ trên đã được tạo ra, rồi từ đó, đã được truyền tụng lại cho tới ngày nay??” [©TNN. CCVN.III. tr-158].]

Về CCVN.II, tôi tin rằng quyển sách mỏng (gồm 170 trang khổ A5) ấy rồi sẽ là một trong những quyển sách kinh-điển của nền ngữ-lí-học Việt Nam, với nhan-đề ‘Cơ-cấu dạng-vị-học’. /Dạng-vị/ là cái danh mà GS TNN đã dùng để dịch tiếng-từ ‘morpheme’ của ngữ-lí-học. [Một số nhà ngữ-lí-học khác dịch là \*ngữ-vị, \*hình-vị, \*ngữ-tổ, \*từ-tổ...]. Chúng ta có thể tạm hiểu [rằng] chúng là những đơn-vị ngữ-lí nhỏ nhất có nội-dung của một ngôn-ngữ. Gs TNN đã chứng minh rằng: trong Việt-

ngữ, phụ-âm đầu cũng có thể là một dạng-vị; nghĩa là, trong Việt-ngữ, có những dạng-vị ở dưới tầng-lớp tiếng-từ. Sự nhận-diện cơ-cấu dạng-vị của Việt-ngữ mà CCVN.II đã trình hiện là một đóng-góp to lớn cho nền ngữ-lí-học Việt Nam, sau sự nhận-diện về các chứng-tự của ngữ-học-gia LM.Lê Văn Lý & các tiếng chỉ-điểm của ngữ-học-gia Honey.

Tôi xin lấy ra một thí-dụ: 'Verb' được dịch là 'diễn-thuật-từ'; các danh tương-ứng với nó trong ngữ-pháp truyền-thống là '\*động-từ', '\*trạng-từ', '\*vị-từ'. 'Verb Phrase' được dịch là 'Thành-phần diễn-thuật' hay 'Cú-phần Diễn'.

Diễn-thuật-từ V là cái cột trụ của một câu mà trên đó người ta treo lên tất cả những thông-tin cũng như các sắc-diện của sử-trình được diễn-thuật. Thì (Tense), Sắc-thái (Aspect), Mốt (Mood) là các phạm-trù của thành-phần diễn-thuật. CCVN.II đã nhận diện các chuỗi dạng-vị căn-bản của thành-phần diễn-thuật trong Việt-ngữ, bao gồm:

- + đã, đang, (vừa, mới), sắp, sẽ
- + có, còn, cứ, càng, cũng, cùng
- + chẳng/chăng, chưa, chớ, chỉ
- + không/ khổng, khôn, khó, khỏi
- + đâu, đ\*, đếch, đùng
- + rồi, lại, ....

(\*Vấn-đề đồng-âm dị-loại hoặc dị-nghĩa của các tiếng-từ tạm thời được đặt ra bên ngoài.)

Các dạng-vị này sẽ phụ trợ (trước hoặc sau V-căn) & giúp cho sự diễn-đạt các phạm-trù của diễn-thuật-từ V. {...việc có thực hay không thực, quá-khứ, hiện-tại

hay vị-lai (\*tương-lai), đã (thực-sự) hoàn thành hay còn đang diễn-tiến...} Chúng sẽ còn được gọi là các dạng-vịđịnh-loại cho V (diễn-thuật-từ).

Thí-dụ: – “Còn trời, còn nước, còn non

Còn cô bán rượu, anh còn say sưa”

– “Bao giờ ta gặp em lần nữa

Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa

Đã hết sắc mùa chinh chiến cũ

Còn có bao giờ em nhớ ta”

Các thesis|luận-văn được đệ trình vào thời-điểm gần đây (của những người trẻ như người đang viết những dòng kí-tự này, 198x) cũng không hề đi ra ngoài những gì mà CCVN.II đã thể hiện; tuy rằng, các thesis ấy chỉ mới đặt những bước chân đầu-tiên trên cái lộ-trình mà CCVN.II đã chỉ ra. Tôi chỉ lấy làm tiếc một điều là trong danh-mục tài-liệu tham-khảo của các luận-văn này, đã không có tên của CCVN.1973.

Với các chuỗi dạng-vị vừa được nêu ra trên đây, các quý-vịđộc-giả có thể tự đối chiếu với kho dữ-liệu Tiếng Việt đang có trong tâm-thức/não-bộ (mind/brain) của chính mình để tự rút ra nhận-xét. Bài viết này được viết để người Việt Nam đọc về ngữ-pháp Việt Nam và vì lí-do ấy, nên các thí-dụ sẽ không được nêu lên quá nhiều.



Tôi rời khỏi CCVN.II để vào ngay trong CCVN.III vì các dạng-vị của Loại N (danh-từ) được nêu lên một cách đại-cương trong CCVN.II sẽ được tác-giả minh giải tỏ-tường trong CCVN.III ‘Danh-từ và lượng-số-từ’.

Nội-hành của thuật-ngữ|term|(danh) ‘danh-từ’ quá rộng; dù là một thứ có thực trong đời sống hay do ta hình dung ra trong trí-tưởng, có cái gì mà chẳng có danh hay là không thể đặt/”dán” cho nó một cái danh. Nguyễn Hiến Lê & Trương Văn Chình lo ngại về điều này nên đã gọi ‘Noun’ là ‘Thể-từ’ – [là] Từ để chỉ đến một cái Thể nào đó mà ta có thể sờ mó được trong đời thực hoặc một í-niệm trừu-tượng mà ta có thể hình dung ra trong tâm-thức. Sự chọn-lựa này của NHL&TVC là do Nguyễn Giang – con trai của Nguyễn Văn Vĩnh ‘lời người man-di hiện-đại’ – đã đề xuất trong quyển ‘Cách đặt câu’. Vấn-đề trở nên phức-tạp và đi vào địa-hạt của triết-học ngôn-ngữ nên tôi chỉ có thể tường thuật đến đây và xin được trở lại với tiếng-từ quen thuộc: Danh-từ (Loại N|Noun).

\*Thí-dụ:

Tất cả 30 cái cây gỗ lim rất quý và rất rắn-chắc ấy (**i**) đã bị chặt hết để làm

0 đd

thông-thoáng đường đi-chuyển của quý-vị kiểm-lâm, hòng dễ-dàng truy bắt bọn lâm-tặc.

Cái khúc mà hiệu-kí (i) chỉ đến là một *thành-phần danh* NP|Noun-Phrase đứng ở vị-trí Chủ-tử|S|Subject trong cái câu liên-hoàn/phức/ghép trên đây. Cấu-tạo của một thành-phần Danh trong cú-pháp Việt-ngữ (sẽ) là:

+ Khúc lượng-số-dạng **q**|quantifier (nếu có) sẽ dẫn đầu NP: ‘những, mỗi, các, mọi, tất-cả, cả, 2018, một, hai, ba,...’. Đi sâu vào ngữ-pháp-mới, lượng-số-dạng **q** sẽ được nhận là một trong hai loại tiếng-từ (được dùng để) chỉ-điểm danh-từ, (tức là thuộc Loại D|Determiner). Đi vào sự phân-loại cụ-thể, lượng-số-dạng sẽ được chia làm bốn|4 nhánh theo phạm-trù lượng-số: ước-dạng ‘nhiều, lắm, ít, cả’, lượng-dạng ‘những, mỗi’, số-dạng ‘một, hai, ba, bốn,...’, số-lượng-dạng ‘các, mọi,...’. Quí độc-giả có thể đọc kĩ hơn về sự phân-chia này trong CCVN.III.

+ Sau khúc lượng-số-dạng **q** (nếu có), sẽ đến Từ N|Noun|danh-từ trong Việt-ngữ. Một Từ N trong Việt-ngữ, về căn-bản, sẽ có mẫu-hình:

(là số nguyên dương &)

hoặc:

Trong đó: + khúc từ đến được gọi là loại-danh|sortal, chúng mang chứa mối quan-hệ rằng loại-danh đi trước bao trùm (quan-hệ này được chỉ đến bằng kí-hiệu của logic toán-học) loại-danh đi sau về phạm-trù hệ-loại. Loại-danh là những danh-từ chính-cống nhưng đã nhạt phai sắc-thái í-nghĩa và được dùng làm một tiếng-từ chức-vụ để chỉ-định phạm-trù hệ-loại của danh-từ & đồng-thời, xác nhận rằng cái khúc đang được nó dặt đầu đích-thị là một danh-từ N.

Gs TNN nhấn mạnh rằng loại-danh trong Việt-ngữ đảm nhận nhiều vai-trò hơn các article trong Anh-ngữ và loại-danh, không chỉ là một Loại mà sau này (1991) nhà ngữ-học Cao Xuân Hạo gọi là danh-từ đơn-vị, mặc dù trong CCVN.III.1973, GS TNN đã viết rằng “loại-danh là hình-thức chính-yếu để quyết định tính-cách đếm-được hay không-đếm-được của danh-từ”.

Dạng-vị căn→	Loại-danh	Từ N (danh-từ)
mây	đám	đám mây
	cụm	cụm mây
đá	cục	cục đá
	hòn	hòn đá

Các loại-danh thường gặp trong Việt-ngữ là ‘cái, con, nổi, niền, tấm, chiếc, sự, mảnh,...’ CCVN.III đã liệt kê ra khoảng 300 loại-danh thường gặp trong Việt-ngữ; trong đó, ‘cái’ là loại-danh đầu đàn với sức-mạnh danh-từ-hóa gần như vô-địch, “đặt trước tiếng-từ nào thì làm thành một danh-từ với tiếng-từ ấy”. Không biết có quý-vị độc-giả nào sẽ nhớ ngay đến những đoạn luận-thuyết lừng-danh của Phạm Công Thiện về hai chữ ‘Cái & Con’. là Từ N căn, được gọi là biệt-danh. Trong Việt-ngữ, mọi tiếng-từ căn (word roots) đều đa-năng và đều có thể làm để lập thành một danh-từ.

+ Khúc cuối NP sẽ có thể có thêm các cận-từ|A|Adjunct|(danh cũ: \*tính/tính-từ, \*trạng-từ, \*hình-dung-từ,...): là tiếng-từ đứng gần và phụ bổ í-nghĩa cho danh-từ sẽ được gọi là AN (cận-từ cận-danh); AA|Ad-Adjunct|(cận-từ cận-cận-từ) là những tiếng-từ đứng phụ cận í-nghĩa (mức-độ) cho cận-từ A. Trong thí-dụ trên: /ấy/ là AN & có thể được gọi là ‘cận-từ chỉ-định’, /quí/ cũng là AN & có thể gọi là ‘cận-từ định-tính’, còn /rất/ là AA (cận-từ cận-cận-từ). Sự xác-định các cận-từ (Từ A) phải căn cứ trên cơ-cấu hình-thức của câu, quan-trọng nhất là tương-quan vị-trí giữa các tiếng-từ.

“Giết nhau chẳng cái Lưu-cầu

Giết nhau bằng cái u-sầu, độc chưa.” (C.O)

Kết thúc CCVN.III, Gs TNN viết riêng một phụ-lục để bàn về|tư-danh|tên-riêng và tư-danh cũng có cơ-cấu in hệt như cơ-cấu của danh-từ với ‘(họ)(ngành)(tên)’. Người đọc hẳn sẽ ngạc-nhiên và thích-thú trước một nhận-định của Gs, rằng trong Việt-ngữ, sự hóa-thân giữa N & V phức-tạp và thâm-sâu đến mức một tư-danh cũng có thể làm diễn-tử|V:

+ Cái thằng gậy Sở Khanh lắm!

AN      V      AV

### **3.0.ii. CCVN.2007 & NGỮ-PHÁP VIỆT-NAM.2017.**

2007, GS TNN hiệu chỉnh CCVN.1973 một lần nữa và Viện Việt-học đãấn-hành lại sách này, với sự yểm-trợ của Ô. Vương Huê.CCVN.IV viết về diễn-thuật-từ V được loan báo rằng sẽ in nhưng cho đến nay, nó vẫn chưa xuất thế.Quyển I của CCVN.2007 đãđược GS Đàm Trung Pháp viết một bài điểm sách công-phu, căn-bản vàđầy-đủ.

2017. ‘Ngữ-pháp Việt Nam’ được ấn hành, côđọng tất cả những thành-tựu mà CCVN đã đặt được và trình bày ngắn-gọn ngữ-pháp-mới của Việt Nam để mọi người Việt trên khắp năm châu có thể học về ngữ-pháp

Việt Nam, đúng như nó là. GS TRẦN NGỌC NINH đã mở đầu quyển sách (có thể sẽ trở thành kinh-điển này) bằng một dòng gồm bốn|4 tiếng-từ:

“Kính dân TỔ-QUỐC VIỆT-NAM.”

### **3.1. Nguyên-lí nền-tảng và các Loại (N, V, A, P, C) của cú-pháp Việt-ngữ**

Bài viết này, lẽ ra đã có thể kết thúc ngay tiếng-từ cuối-cùng của đoạn trên đây; nhưng tôi vẫn còn tham, nên viết thêm vài dòng để tóm tắt ngữ-pháp-mới của Việt Nam.

#### **3.1.i. Trong Việt-ngữ, chỉ có những dạng-vị (các tiếng-từ căn & các dạng-vị định loại) – ta có thể hiểu đơn-giản là chỉ có các tiếng-từ.**

**3.1.ii. Định-nghĩa Từ.** Khi đã được vào trong một câu và đã an-định về mặt vị-trí thì khi ấy, các dạng-vị kết hợp với nhau theo những qui-lệ ngữ-pháp để tạo thành những câu có ngữ-pháp-tính (có nghĩa). Trong đó, các kết-hợp dạng-vị được gọi là Từ, (viết với T hoa).

Thí-dụ: Trong câu “/Cái bông hoa hồng/(i) này(ii) rất(iii) đẹp(iv)” (td.1) , có 7 dạng-vị.

Để giản-tiện và quen thuộc với tâm-thức của người học, ‘dạng-vị’ sẽ được gọi một cách đơn-giản là ‘tiếng-từ’ – là những tiếng có khả-năng được thành một Từ có Loại, nghĩa và chức-vụ vững chắc khi đã được để vào trong một câu có ngữ-pháp-tính.

Các dạng-vị|tiếng-từ kết hợp với nhau theo những qui-lệ ngữ-pháp để tạo thành những câu có ngữ-pháp-tính, trong đó, các kết-hợp dạng-vị sẽ tạo thành những Từ–được viết với T hoa. Nay, ngữ-pháp mới đề nghị bãi bỏ quan-niệm \*cụm-từ.

Trở lại thí-dụ (td.1):

+ (i) là một danh-từ N có cấu-thức :  $N_4 \supset N_3 \supset N_2 \supset N_1$ , trong đó, từ  $N_4$  | 'cái' đến  $N_2$  | 'hoa' là các loại-danh|sortal được dùng để chỉ phạm-trù hệ-loại của danh-từ-loại-danh đi trước bao trùm loại-danh đi sau về phạm-trù hệ-loại – và để minh định rằng, cái khúc bắt đầu với loại-danh 'cái, con, sự, việc, nổi, niềm...etc' và chấm dứt ở  $N_1$  | biệt-danh 'hồng' ... đích-thực là một danh-từ.

“Loại-danh là hình-thức quyết-định về tính-cách đếm-được hay không-đếm-được của danh-từ” (Cơ-cấu Việt-ngữ.III.1973). Sau 1975, các loại-danh được một số nhà nghiên-cứu gọi là các danh-từ đơn-vị; tuy không sai nhưng đã không nhìn thấy cơ-cấu tổng-thể của danh-từ, như 'Cơ-cấu Việt-ngữ.III' đã chỉ ra.

+ (iv) 'đẹp' trong câu này là một Từ V [diễn-thuật-từ|\*động-từ].

+ (ii) 'này' là cận-từ cận-danh AN để làm rõ về danh-từ (i) đi trước, có thể gọi cận-từ này là cận-từ chỉ-định.

+ (iii) 'rất' là cận-từ cận-diễn AV được dùng để cải hay để chỉ mức-độ của diễn-thuật-từ 'đẹp' đi phía sau nó.

Nói ngắn-gọn, chỉ khi nào đã được đặt vào trong một câu, thì một tiếng-từ mới có Loại, nghĩa, và vững-chắc về chức-vụ mà nó đảm trách. Lời giải này là một lời giải logic, nhất-quán đi từ những khai-phá của LM. Lê Văn Lý qua những phân-vân của Nguyễn Hiến Lê & Trương Văn Chình cho đến những khai-phá và lập-định của Noam Chomsky về Ngữ-vựng Nội và Ngữ-vựng Ngoại. Định-đề này đặc-biệt quan-trọng và phải ghi nhớ, nhất là khi muốn đi xác-định các cận-từ | Từ-A trong một câu. Muốn xác định được cận-từ A trong một câu, ta phải căn cứ trên cơ-cấu hình-thức của câu, í-nghĩa không giúp được gì nhiều.

Thí-dụ: (2.a) Người cày phải có ruộng.

(2.b) Bông hoa rất | AA đẹp | AN ấy | AN đã | (V-phụ) được | (V-phụ) anh A tặng | V cho | P cô XYZ, nhân | P ngày lễ tình-nhân.

### 3.1.iii.01. Từ N|danh-từ.

\* Danh-từ|Từ-N trong Việt-ngữ có cấu tạo:  $N_n \supseteq N_{n-1} \supseteq N_{n-2} \supseteq \dots \supseteq N_2 \supseteq N_1$

cái cây rau cải bẹ

cái xe ô-tô

[cái] nổi buồn

→ từ  $N_n$  đến  $N_2$  là loại-danh|sortal,classifier, trong đó, loại-danh  $N_n$  đứng trước bao trùm loại-danh  $N_{n-1}$  đứng sau cho đến  $N_1$ |biệt-danh. Các loại-danh là những danh-từ chính cống đã được ngữ-pháp-hóa để làm những dạng-vị chức-vụ nhằm chỉ rõ phạm-trù hệ-loại của Từ  $N$  và, đồng thời là một từ chỉ-điểm để chỉ rõ rằng cái khúc đang được nói đến là danh-từ|Từ-N. ( $n \leq 5$  và hiển nhiên là một số nguyên).

→→  $N_0$  sẽ là tên-riêng|tư-danh|proper-noun

Một thành-phần danh|Noun-Phrase có thể có thêm lượng-số-dạng  $q$ |quantifier – /những, mỗi, các, mọi, một, hai, .../-đi trước. →  $q$ : lượng-số-dạng. Tôi tạm bỏ qua sự phân-biệt chi-tiết làm bốn loại lượng-số-dạng để giản-dị-hóa vấn-đề. → /một, hai, ba, ..., nhiều, ít, những, mỗi, các, mọi, [tất] cả.../.

\* Một thành-phần danh|NP trong Việt-ngữ sẽ có cấu-tạo cơ-bản là:

..... $q + N_n \supseteq N_{n-1} \supseteq N_{n-2} \supseteq \dots \supseteq N_2 \supseteq N_1 + [AA] + AN + AA$ .....

Thí-dụ: (Tất cả những) $q$  (quyển sách) $N$  (rất) $AA$  (quí-giá) $AN$  của GS TRẦN NGỌC NINH đều đã được tìm thấy, ngoại trừ quyển 'Nguồn-gốc Việt-ngữ'.

→→→Loại-danh là một yếu-tố rất quan-trọng trong cấu-tạo của danh-từ Việt-ngữ. Trong một câu, nếu khúc làm chủ-tử|subject vẫn chưa vững là một danh-từ thì ta nên thêm các loại-danh phù-hợp để khúc ấy thực-sự là một danh-từ.

Các loại-danh thông thường: /cái, con, sự, nỗi, niềm, .../. Trong quyển II của ‘Cơ-cấu Việt-ngữ’, GS TRẦN NGỌC NINH đã nhậ ra hơn 300 loại-danh; chúng ta không cần phải nhớ hết, chỉ cần ghi-nhớ qui-luật trên đây (/Cái/+loại-danh N2+N1→danh-từ|N) thì tiềm-năng ngữ-lí trong não-bộ của chúng ta sẽ cho-phép/giúp chúng ta tìm ra một loại-danh thích-hợp để làm cho cái danh-từ mà chúng ta định viết xuống thực-sự vững-vàng là một danh-từ.

Thí-dụ: d) “Quyết chí phen này trang trái nợ  
Cho đời rõ mặt /cái thằng tao/”

1. e) “Chém cha /cái số hoa đào/  
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi”
2. f) “Đêm năm canh lần nường vách quế  
/Cái buồn/ này ai dễ giết nhau  
Giết nhau chẳng /cái Lưu-cầu/  
Giết nhau bằng /cái u-sầu/, độc chưa”  
[Cung Oán Ngâm Khúc]
3. g) “Bực gì bằng /cái chực phòng không/  
Tơ tưởng ai chung một tấm chùng”  
(C) Nguyễn Khuyến

### 3.1.iii.02. Từ V|diễn-thuật-từ.

Diễn-thuật-từ|từ-V là cái cột trụ của câu, trên đó, người ta treo thêm, móc vào các tiếng-từ phụ-trợ, các dạng-vị chức-vụ để diễn đạt, để mô tả, để kể,...về sự-trình|process, về người, về vật, về sự...đang được đề cập trong đồng-văn|context. Ngữ-pháp-mới của Noam Chomsky đã truất ngôi của chủ-tử|Subject và đẩy chủ-tử



xuống thành Từ dẫn diễn-tử|predicate – Specifier|dẫn-diễn-tử-, đưa từ V lên thành Từ trọng-yếu nhất trong một câu đã thành.

Trong một câu|sentence đã thành, V-căn (V-root) sẽ được nhận diện căn-cứ vào cơ-cấu hình-thức và tương-quan vị-trí giữa các tiếng-từ trong câu. Đồng-thời, các auxiliary-verb|V-phụ trong Việt-ngữ sẽ giúp cho sự nhận-diện các V|diễn-thuật-từ được dễ dàng hơn. Để giản-dị-hóa vấn-đề, trong túc|status này, tôi sẽ gọi tất cả các dạng-vị chức-dạng để phụ-trợ V trong việc chỉ rõ các phạm-trù của diễn-thuật-từ là V-phụ- thực ra, nếu gọi đúng thì là sắc-dạng (s), thì-dạng (t), V-phụ...

Trong Việt-ngữ, chúng ta có các chuỗi V-phụ căn-bản sau – status này để vấn-đề đồng-âm dị-loại hoặc dị-nghĩa của các tiếng-từ ra bên ngoài:

+ /đã, đang, sắp, sẽ,../ [thì-dạng t]

+ /có, còn, cứ, càng, cũng, cùng/

/chăng, chẳng, chưa, chớ, chả, chỉ/

/không, [k]hông, khôn, khó, khỏi/

/đâu, đừng, đ\* ,đếch, cóc../

+ các sắc-dạng|(s) để chỉ sắc-thái của sử-trình được diễn thuật bao gồm: /rồi/, /vẫn/, /hãy/, /lại/, /mới/

+ Các modal-verb|V-thức là những tiếng-từ diễn tả cái í-thức của chủ-tử khi nói về sử-trình, bao gồm: /muốn/, /phải/, /được/, /dám/....

+ /bị/ và /được/ được dùng cho Thể Thụ (Passive Voice) trong Việt-ngữ, tuy rằng giữa chúng có khác-biệt về sắc-thái í-nghĩa khi ta dùng tới. Nhưng ta có thể nói rằng, Việt-ngữ có Thể Thụ; “đây là logic, chứ không phải là sự tưởng-tượng”.

+ Trong Việt-ngữ, tiếng-từ /là/ là một đoạn-dạng đa-đoạn có thể được sử dụng ở rất nhiều vị-trí trong câu. Quá-trình phản-ngữ-pháp-hóa trong Việt-ngữ đã cho tiếng-từ /là/ lộn ngược dòng đến (/là/) ngày càng trở thành một V-giao-kết|copula-verb như ‘to be’ trong Anh-ngữ hay ‘être’ trong Pháp-ngữ. Nay, trong Việt-ngữ có hai V-giao-kết rất thường được sử dụng là: /là/ & /như/, /như là/. → ‘N làN’ !

Thí-dụ:

1. h) “Như chàng /có vững/ tay co  
Mười phần /cũng đắp điểm/ cho một vài”  
(C) ĐTTT
2. i) “Vẫn như /chẳng bèn/, Bụt là lòng”  
(C) Quốc Âm Thi, Nguyễn Trãi
3. j) “Cơm kẻ bất nhân, ăn ấy chớ  
Áo người vô nghĩa, /mặc|V chẳng|V-phụ thà|V”  
(C) Nguyễn Trãi  
→ thí-dụ này được treo tạm ở đây, trong khi chờ đợi sự khẳng- quyết cuối-cùng của học-giới về-nghĩa và từ-nguyên của tiếng-từ /thà/ ở cuối câu thứ → Xin xem An Chi, ‘Những tiếng trống qua cửa các nhà sấm’.
4. k) “Lấy chồng từ thuở mười ba  
Đến năm mười tám tiếp /đà năm con/  
Ra đường người /tưởng/ /còn son/  
Về nhà tiếp /đã năm con/ cùng chàng.

→ Các V-phụ hay các dạng-vị chức-vụ để hỗ trợ cho việc diễn-đạt các phạm-trù của diễn-thuật-từ|từ-V cần được thêm thừa để các khúc trong câu được định rõ về Loại cũng như chức-vụ; đặc-biệt, nhất là khi khúc được dùng làm từ-V không có những nét ưu-tính (hướng về) loại V. Thí-dụ: “Ông A nay /đã tám mươi tuổi rồi/.

### 3.1.iii.03. Từ A|Cận-từ.

Loại N|danh-từ và Loại V|điển-thuật-từ đã được mô tả cùng các dạng-vị chức-vụ đi kèm (q:lượng-số-dạng, N2:loại-danh; V-phụ, V-thức, sắc-dạng s, ...)

Nhưng nhu cầu của việc thông-giao ngày càng phức-tạp, người ta phải phối hợp các Từ N và Từ V với nhau để phục vụ cho việc diễn tả các í, các sự...càng ngày càng rối rắm và chi-tiết. Từ A xuất hiện.

Loại A được Noam Chomsky gọi là **ad-junct** – /**ad**/ có nghĩa là ‘thêm vào’, ‘adjunct’ hay ‘ad-form’ là các tiếng-từ đứng gần một Từ nào đó để phụ-bổi-nghĩa cho tiếng-từ đó. Bằng một logic ráp-nối rất thông-thường, Loại-A|Cận-từ được chia làm ba nhánh:

(i) AN|Ad-form of Noun|Cận-từ cận-danh: là những cận-từ đứng gần danh-từ để bổ trợ-nghĩa, sắc-thái, ...cho danh-từ. [Ngày xưa, ta gọi là *\*tính/tĩnh-từ|adjective*; nay, trong ngữ-pháp-mới, đề nghị bỏ danh này. Vì có những cận-từ cận-danh không “tĩnh” cũng không chỉ “tính-(chất)”. Thí-dụ: “(Một người **viết**)NP [phải thu thập](V) rất nhiều dữ-liệu để phục vụ cho trước-tác của mình” →→ /viết/ là AN.]

(ii) AV|Adform-of-verb|Cận-từ cận-điển. [Tương-đương với danh cũ là ‘adverb’, thường được dịch là [*\*trạng-từ*], nay cũng đề nghị bỏ].

(iii) AA|Adform-of-adjunct|Cận-từ cận-cận-từ → Là những tiếng-từ đứng gần để bổ trợ-nghĩa cho chính cận-từ A vừa được nêu lên trong câu. [Cận-từ cận-cận-từ ngày xưa cũng được gọi là ‘adverb’, →...như trên!]

Thí-dụ: (a) Tôi đã nghe rất|AA rõ|AV rồi.

(b) Ca-sĩ X đã hát hay|AV nhất|AA đêm nay.

Nay, trong ngữ-pháp-mới, đề nghị bỏ danh *\*tính-từ* cũng như *\*trạng-từ*. Cú-pháp hay cơ-cấu hình-thức của câu là căn-bản và là tiêu-chuẩn để định loại từ A, trong Việt-ngữ. Cơ-cấu hình-thức (nói đơn-giản, là tương-quan vị-trí) phải được xét đến đầu-tiên; í-nghĩa của tiếng-từ lùi xuống một bậc và được xét đến sau.

1. (c) Cái con người **ấy**|AN ai cầu làm chi.

(c.1) Cái con người rất bần-tiện và cực-kì tham-lam **ấy**, ai mà thương (e) được!

.....N.....AA. AN....đđ...AA.....AN.....AN,PRO-X..đđ.....V..... (e)...AV!

→[Cái con người](1) [rất](4) [bần-tiện](2) [và](5) [cực-kì](4) [tham-lam](2) [ấy](3) , ai [mà](5) thương (e) được! →→ (2) là AN, có thể gọi là ‘cận-từ định-tính’. (3) cũng là AN, có thể gọi là ‘cận-từ chỉ-định’. (4) là AA. (5) là đoạn-dạng. (e) là “vị-trí rỗng”, chỉ cho khúc Thành-phần Danh đã được bứng khỏi vị-trí ban-đầu và di-chuyển lên đầu câu để làm Đề-mục của câu.

### 3.1.iii.04&05. Từ P|tiền-vị-từ&Từ C|Dẫn-cú-từ.

Loại P được gọi là tiền-vị-từ (pre-position → ‘tiền’-‘vị-trí’) vì các tiếng-từ này thường xuất hiện trước một thành-phần danh (NP) và dắt thành-phần danh NP này vào làm bổ tử cho một danh-từ hoặc một diễn-thuật-từ đi trước. Vấn-đề đồng-âm dị-loại và dị-nghĩa của các tiếng-từ tạm được đặt ra ngoài, trong Việt-ngữ hiện-tại các Từ P tập hợp thành một tổ đống bao gồm một số tiếng-từ sau: /ở, của, cho, tại, bởi, vì, với, từ, đến, trong, ngoài, trước, sau, trên, dưới, giữa, bên, về, cùng, bằng, vào, để, qua, theo,.../ và thỉnh thoảng có thể xuất hiện một vài tiền-vị-từ cơ-hội trong những xây-dựng của các văn-thi-sĩ.

Trong thí-dụ sau, các tiền-vị-từ được tô đậm và in nghiêng:

“Bản kinh Thăng Man này được dịch và giải **vào** một thời điểm mà dấu ấn của nó sẽ mãi mãi không phai mờ **trong** tâm trí **của** những chứng nhân lịch sử. Mỗi cá nhân nhìn **theo** góc độ nhãn quan của mình. Bằng hữu thiện tri thức có thể tìm thấy đâu đó, **giữa** hai hàng chữ dịch và giải, dấu ấn mờ hồ **của** thời gian. Một cộng cổ non yếu, cố vươn mình đón bắt ánh sáng **cho** lẽ sống, dưới sức nặng tàn bạo **của** khối đá vô tri làm lì.” ©TUỆ-SỸ.

Nhu-cầu về sự chấp-nối tiếp-liên để tạo thành những câu ghép/phức/liên-hoàn là một nhu-cầu mà bất kì ngôn-ngữ nào cũng phải có nhằm mài sắc khí-cụ truyền-thông của dân-tộc mình. Quá-trình ngữ-pháp-hóa sẽ cấp cho ta những Từ C|Complementizer|Dẫn-cú-từ, là những tiếng-từ có nhiệm-vụ dẫn-câu(phụ-hóa), nó sẽ dẫn một câu|cú nhỏ vào làm bổ-tử cho một câu chính; và do vậy, nó còn được GS TRẦN NGỌC NINH gọi là ‘bổ-hóa-từ’. Đây là một Loại mới được N.Chomsky đặt ra và là một Loại vẫn còn đang thành, trong Việt-ngữ. GS gom các

Từ C thành một tổ Từđóng gồm /*rằng, cho, nếu, giá, như, tuy, dầu, để...*/. Các dẫn-cú-từ lại có thể chập đôi chập ba với nhau và với các đoạn-dạng|đđ như ‘*thì, mà, là...*’. →”Ngần ngừ nàng mới thừa **rằng** Thói nhà băng tuyết chất hằng phi phong, **dầu** khi lá thắm chỉ hồng, nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha” (K. 331-334).

Trong Việt-ngữ, lại còn một loại tiếng-từ vô-cùng đặc-chủng – đó là những dấu chấm câu có hình-dạng một tiếng-từ, là những tiếng-từđược dùng để ngắt, để phân chia, để tách rời một câu ra thành các khúc và làm cho cơ-cấu câu nổi rõ lên – là các đoạn-dạng (Separation Morpheme).

### 3.1.iv. Đoạn-dạng|Đđ|đđ.

Theo lời GS TNN, ông phát hiện ra Loại tiếng-từ này vào 1968, theo thời-gian, sự lập-định và phân-loại các đoạn-dạng của GS có một vài thay-đổi nhỏ, quan-trọng nhất là Ô. đã không còn giữa sự phân-loại một cách tuyệt-đối như xưa nữa, vì ngôn-ngữ có thể thay đổi tùy thời và tùy nơi và vì, ngữ-lí-học không phải là một khoa-học chính-xác tuyệt-đối như những niệm-thể-lí-tượng của toán-học. Các đoạn-dạng nay được GS phân loại thành (i) Đđ đồng-trị: *và, với, hay, hoặc, tuy, nhưng...* (ii) Đđ đa-đoan: *thì, mà, là....* (iii) Đđ khai câu: *này, nè..* (iv) Đđ cuối câu: *đây, đấy; chứ, đi...* (v) Đđ chấm hỏi: *hả (hử) (hở), à...*

Trong Việt-ngữ, ‘*thì, mà, là*’ là ba tiếng-từ đã chịu không biết bao nhiêu oan-ức và dè bủ – nỗi oan ‘*thì, mà, là*’ – khi có những người vô-học vô-tâm đã đòi truất phế các tiếng-từ này ra khỏi kho ngữ-vựng Tiếng Việt. Sự xuất-thể của CCVN.1973 đã cho ta một cái nhìn sáng rõ về ba tiếng-từ này với cái danh ‘*đoạn-từ đa-trạng*’ mà GS TNN đã tạo ra để gọi tên ba tiếng-từ này vào lúc ấy. Ba tiếng-từ dùng để cắt câu này có thể xuất hiện ở hầu hết các vị-trí trong câu, với những tác-dụng khác nhau mà nhiều khi ngay chính người đã viết cái câu ấy cũng không lường trước được. Và chính vì lí-do ấy, mà các đoạn-dạng đa-đoan ‘*thì, mà, là*’ đã được sử dụng để chắp nối nhiều câu tối-thiểu thành một câu ghép liên-hoàn. Trong NPVN.2017, GS TNN đã dành 20 trang sách khổ A4 để bàn về ba dạng-vị đặc-chủng này của Việt-ngữ; trong đó, đđ /*mà*/ là đđ cổ-kính nhất đã được truyền lại từ nguyên-ngữ Môn-Khmer còn đđ /*là*/ thì lại đang đi ngược lại quá-trình ngữ-pháp-hóa – tức là

phản-ngữ-pháp-hóa – và đang dần dần trở thành một V-giao-kết (copula-verb) trong Việt-ngữ. Một trong những mô-hình câu trọng-yếu của Việt-ngữ mà đd 'là' tham dự là 'X là X'; trong đó, X thường là danh-từ N, nhưng đôi khi cũng có thể là V hay A.

Tôi lấy ngẫu-nhiên vài câu trong 'Đoạn Trường Tân Thanh' để làm thí-dụ:

1. *Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ tài chữ mệnh khéo LÀ ghét nhau.  
Trải qua một cuộc bể dâu,  
Những điều trông thấy MÀ đau đớn lòng.*

*Một trai con thứ rớt lòng,*

*Vương Quan LÀ chữ, nối dòng nho gia.*

*15. Đầu lòng hai ả tố nga,*

*Thúy Kiều LÀ chị, em LÀ Thúy Vân.*

*Thanh minh trong tiết tháng ba,*

*Lễ LÀ tảo mộ, hội LÀ đạp Thanh.*

*Rằng: Sao trong tiết thanh minh,*

*60.. Mà đây hương khói vắng tanh thế MÀ?*

*75.. Đã không duyên trước chẵn MÀ,*

*THÌ chi chút ước gọi là duyên sau.*

*Trái bao thỏ lặn ác tà,*

*80.. ấy mờ vô chủ, ai MÀ viếng thăm!*

*115.. Kiều rằng: Những đấng tài hoa,*

*Thác LÀ thể phách, còn LÀ tinh anh,*

*Người MÀ đến thế thì thôi,*

*180..Đời phần hoa cũng LÀ đời bỏ đi!*

*Chào mừng đón hỏi dò la:*

*Đào nguyên lạc lối đâu MÀ đến đây ?*

*Ra tường trên bực trong dâu*

*THÌ con người ấy ai cầu làm chi?*

*421-422. Ví dụ giải kết đến điều*

*THÌ đem vàng đá mà liều với thân*

### **3.2. PRO-X. Đại-từ.(Pro-forms. X có thể là N, là V, là S|Sentences, là một đoạn văn.)**

Trong bài giới-thiệu về ngữ-pháp Việt Nam này, để hạn chế độ dài của bài viết nên tôi sẽ không đi sâu vào hệ-thống tiếng-từ thay-thế (Đại-từ|Pro-X) của Việt-ngữ; là hệ-thống các tiếng-từ được dùng để thay thế hay đại-diện cho một N, một V, một khúc tiếng-từ, một câu, một đoạn văn... Hệ-thống Pro-X là một hệ-thống hiển-nhiên phải có mặt trong bất cứ một ngôn-ngữ nào. Hệ-thống đại-từ của Việt-ngữ được NPVN.2017 chia ra thành bốn loại bao gồm sáu tiểu-loại tùy theo lãnh-vực í-nghĩa-học (semantics): **(i)** Đại-danh-từ Pro-N luân-nghĩa theo tình-thế và qui-chiếu: *'tôi(tui), tớ, tao, ta, chúng ta/tôi/tớ/tao; mi, mày, bay, chúng mày/bay; nó, hã, [ổng, bả, ảnh, cố] (N), họ, chúng nó, các ổng/bả/ảnh/cố(N)'*; **(ii)** Đại-danh-từ Pro-N bất-định và vấn-hỏi: *'ai' & 'gì'*; **(iii)** Đại-cận-từ Pro-A và đại-diễn-từ Pro-V: *'nào, ai, gì, ấy' "qui-chiếu chung"*; *'đâu, đây, đấy, đó, kia, kì' "chỗ"*; *'nào, nao, nay, này, nấy, nọ, kia' "lúc"*; *'bao, bây, bấy' "lượng-số"*; *'sao, vậy, vậy' (V="trạng")*. Một nhận-định của GS TNN: Dạng-vị /sao/ là một tiếng-từ hiếm-hóc bậc nhất trong Việt-ngữ.

**3.3. Cú-pháp Việt-Nam** {Về mục 3.3: nếu những quý-vị độc-giả nào từ trước đến giờ chưa đọc và chưa biết đến các vấn-đề của cú-pháp Việt Nam – nhất là vấn-đề về mô-hình của một câu trong Việt-ngữ – thì mong quý-vị vui lòng dành ra một ít thời-gian quý-báu để đọc thêm về vấn-đề này. Các từ-khóa/key-words bao gồm 'Chủ-Vị' và 'Đề-Thuyết'. Trong mục này, người viết sẽ đi thẳng vào vấn-đề mà không có những đoạn văn dẫn-nhập. Trân trọng!}

#### **3.3.1. Mô-hình căn-bản của một câu Tiếng Việt.**

Cuộc tranh-luận về mô-hình cú-pháp chính-yếu của một câu trong Việt-ngữ đã diễn ra suốt mấy chục năm sau 1975, trong nước, và cho đến nay vẫn chưa đi đến hồi kết. Người ta vẫn chưa thể khẳng định là một câu của Tiếng Việt sẽ có mô-hình chủ yếu là Chủ-Vị [C-V] hay là mô-hình Đề-Thuyết[Đ-T]. Cho đến khi có một sự khảo-sát toàn-thể khối lời Việt-ngữ đã được tạo ra từ ngàn xưa cho đến nay, thì câu trả lời hãy còn để ngỏ! Câu trả lời hãy còn để ngỏ, theo thiển-í, là vì cú-pháp Việt Nam cho đến nay vẫn chưa bị điển-chế một lần nào, và rất có thể, cả hai mô-hình đều tồn-tại song song trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của đại-chúng. Về mô-hình Đ-T, GS TNN viết những lời bâng-khuâng trong CCVN.III sau khi đã nhận diện nó trong CCVN.I:

“Người ta không biết vì lí-do gì mà Việt-ngữ lại có một số câu trong đó từ N bổ-vụ được đảo lên trên trước từ V diễn-vụ như vậy. Cho rằng đây là một vấn-đề văn-pháp không phải là một sự giải-thích ổn-thỏa. Văn-pháp chỉ có khi dụng í của tác-giả được thấy rõ, như trong câu ca-dao:

- Cờ bạc là bác thẳng bản; ruộng vườn, bán hết (tra chân vào cùm!) (Cd)

V

hoặc trong một vài câu thơ:

- Lửa phiền càng dập, càng khêu mối phiền (K.)

- Tin sương, luống những rày mong, mai chờ (K.)

- Nước dương, muốn rẩy nguội dần lửa duyên (CO.)

Còn trong mấy câu tục-ngữ kể đoạn trên – “tiền mất, tật mang” “cơm no, bò cưỡi” – , ngoài sự nói lối ra, thì không thấy rõ tác-dụng của sự đảo-nghịch. Phải chăng rằng, có một lúc nào đó trong quá-khứ, hình-thức (với N đảm nhận chức bổ-tử đứng trước diễn-tử) đã được dùng một cách thông-thường, và chính là trong



cái thời ấy mà những tục-ngữ trên đã được tạo ra, rồi từ đó, đã được truyền tụng lại cho tới ngày nay??”

[tr-158, CCVN.III. Lửa Thiêng, 1974. Các kí-hiệu đã được người viết thay bằng các kí-hiệu tương-ứng trong NPVN.2017 (A→N, B→V, ). Ghi-chú: là kí-hiệu để chỉ một danh-từ N đảm nhận chức-vụ bổ-từ O .]

Từ CCVN.1973 đến NPVN.2017, GS TNN nhận định rằng mô-hình của câu Việt-ngữ (khi vừa thoát ra khỏi Ngữ-vùng Nội, nói theo ngôn-ngữ của N.Chomsky,) là ‘S-V-O’ ‘Subject-Verb-Object’ ‘Chủ-từ-Điển-từ-Bổ-từ’, xin lưu ý rằng trong mô-hình này là /-tử/ chứ không phải /-từ/. GS TNN nhận định đây là “mô-hình vững-chắc nhất của Việt-ngữ trong đại-ngữ-pháp”.

Thí-dụ: - Tao ném hòn sành. Bà mụ thổi xôi.

N V N<sub>o</sub>

- ...Như đạo bà thiêng yếm cổ-mộ | Sao người khai giải chưa về thăm?

V<sub>giao-kết</sub>( ) V N<sub>o</sub>

- Anh A vừa mới tặng chị B một đóa hồng rất đẹp...

### **3.3.2. Sự di-chuyển của các thành-phần trong một câu. Đề-mục & Tiêu-điểm. Tác-dụng vai-nghĩa.**

Đối với một lớp các xây-dựng (các câu) mà một số nhà ngữ-lí-học nhìn nhận là chúng có mô-hình Đ-T, ngữ-pháp-mới nhận định rằng, đã có một trong hai sự-kiện xảy ra để hiện thành những câu này:

**(i)** Một sự biến-cải đã xảy ra trong tâm-thức/não-bộ (mind/brain) của người nói hoặc người viết: biến-cải di-chuyển; một [khúc] tiếng-từ X trong câu đã được búng ra khỏi vị-trí nguyên-thủy của nó- và để lại một chỗ trống, ta sẽ gọi là Loại rỗng (Empty Category), kí hiệu là ‘e’ hoặc - rồi di chuyển dần dần lên, về phía trước, và thường sẽ lên đứng hẳn ở đầu câu để làm thành một đề-mục|Topic hoặc

một tiêu-điểm|Focal. X thường là danh-từ N bổ-tử, nhưng cũng có thể là V hay A; tùy thuộc vào cái nội-dung mà dụng í của người nói muốn nhấn mạnh. GS TNN đã dành hẳn hai chương XI & XII thuộc phần viết về CÚ-PHÁP trong NPVN.2017 để bàn về sự di-chuyển thông-thường (các N, V, A...) và sự di-chuyển dị-thường. Sự di-chuyển này tuân thủ theo bốn bước của lí-thuyết về biến-cải di-chuyển mà N.Chomsky đã lập thành. Tôi xin được phép trích NPVN.2017: “Mục-đích của sự di-chuyển là để làm cho một điều đặc-biệt được rõ-ràng minh-bạch bằng cách nêu điều đó lên, như trên sân-khấu một người, đóng một vai trò quan-trọng trong một lúc quan-trọng, được tất cả các đèn trên sân và ở hai cánh rơi vào. Cái điều ở trọng-tâm của câu ấy được gọi là đề-mục hay là tiêu-điểm. Nếu là một điều mới chưa được nói tới thì dùng danh “đề-mục” (topic); còn nếu là một điều đang bàn cãi, thì là một tiêu-điểm (focal).” (tr-288, NPVN.2017)

Thí-dụ: - Hồn tử-sĩ, gió ù ù thổi .

NP → Hiệu-kí chỉ đến vị-trí ban đầu của NP ‘hồn tử-sĩ’

Mặt chinh-phụ, trăng rồi rồi soi . → cơ-cấu in hết câu trên.

- Dập dìu tài-tử giai-nhân ..... (K.46)

V

- Gần xa nô nức yến anh .... (K.44)

((+) V )- N+N

Trong hai chương viết về sự di-chuyển, GS TNN cũng đã lập định rất vững-vàng về câu bị-động trong Tiếng Việt, với hai dạng-vị căn-bản ‘bị’ & ‘được’.

Sự di-chuyển là thực-có hay chỉ là một sản-phẩm của tư-duy trừu-tượng, chúng ta hãy để thời-gian trả lời. Trong một công-trình nghiên-cứu, một nhà ngữ-học đã nêu một số câu thí-dụ để phủ nhận cái nhận-định rằng bổ-tử O đã được di-chuyển lên đầu câu và rằng, những câu thí-dụ này là những câu có mô-hình Đ-T; tuy nhiên, theo thiển-í, các câu thí-dụ ấy đa-phần đều là

(ii) những câu phức/ghép/liên-hoàn đã được thành hình sau một/nhiều biến-cải đã chấp nối nhiều câu tối-thiểu N-V-N để hiện thành. Chính các đoạn-dạng đa-đoan ‘thì, mà, là’ và bàng-kế rút-Chủ-tử của Việt-ngữ đã cho phép sự-kiện này xảy ra.

Thí-dụ: “Giếng này nước(e) trong mà lại gần nhà.”

NP      N (e) AN      đđ V<sub>phụ</sub> V      N

→ (e) là tiền-vị-từ ‘của’ đã bị cho rơi rụng đi sau khi hai câu tối-thiểu đã được chấp nối. Trong Việt-ngữ, sự cho rơi tiền-vị-từ ‘của’ rất thường xảy ra để các khúc NP trong câu đỡ rườm khi chúng ta đọc hay nói. Là ‘giếng này’. Thêm nữa, cái mẫu-hình của câu này, lại là một mẫu-hình rất thường gặp trong Việt-ngữ với một thành-phần danh NP mở đầu để chỉ về không-gian và thời-điểm mà sự-trình được diễn thuật nêu lên. → ‘Ở khu-vực X vào lúc Y, có .....’.

→ Trong câu thí-dụ này có ít nhất hai câu tối-thiểu ‘Nước [của] [cái] giếng này trong.’ và ‘[Cái] giếng này gần [cái] nhà [của tôi/anh].’ Và sự biến-cải không chỉ đơn-giản là sự di-chuyển một [khúc] tiếng-từ. Trong câu thí-dụ này, sự di-chuyển, sự chấp-nối, sự cho rơi tiền-vị-từ ‘của’, sự “rút” chủ-tử của câu tối-thiểu thứ hai, sự tham-dự của đoạn-dạng ‘mà’ rỗng-ngĩa để cắt câu... đã phối hợp cùng nhau để hiện thành câu ghép trên. Trong khuôn-khố một bài giới-thiệu, tôi không thể đi sâu hơn/thêm vào vấn-đề. Quý-vị độc-giả có thể đọc kĩ hơn trong NPVN.2017.

Phần II của NPVN.2017, GS TNN sẽ đưa chúng ta đi rất sâu vào trong cú-pháp Việt-ngữ theo đường-hướng của N.Chomsky. Các khai-phá mới về cú-pháp mà NPVN.2017 đã trình hiện, vượt ra khỏi khuôn-khố của bài giới-thiệu này; nên tôi

sẽ trở lại vấn-đề này trong một bài viết khác. Quý-vị-độc-giả trẻ chỉ cần nắm vững cách phân-tích mẫu-hình của một câu với những kí-hiệu tương ứng mà bài viết giới thiệu là đã tạm đủ hành-trang cho những bước đầu. Và cho đến thời-điểm hiện-tại, chúng ta đã có quyền hi-vọng rằng cái xây-dựng ‘phong-ba bão-táp không bằng ngữ-pháp VN’ sẽ sớm thành một cố-tích trong nền học-thuật của nước nhà.

#### 4. ...để tiến vào thời vị-lai.

Bài viết này được viết với một mục-đích duy-nhất là giới thiệu ngữ-pháp-mới của Việt-ngữ đến với đại-chúng. Với sự xuất-thể của sách ‘NGỮ-PHÁP VIỆT-NAM.2017’, ta có thể xem như công-trình hơn nửa đời người của GS TNN đã đại thành và cùng với công-trình này, ngữ-pháp Việt Nam cũng đã đại thành về cơ-bản – theo í riêng và cũng theo kiến-văn nông-cạn của người đang gõ những dòng tiếng-từ này. Sự toàn-bích chỉ là một niệm-thể mà chúng ta – những con người biết nghĩ – đời đời hướng tới và đời đời xây dựng, vẫn theo lời của GS TNN, cho đến khi vầng thái-dương kia già nua và rụi tắt hoàn-toàn. Sự tiếp-nối những gì đã thành là một công-việc mà những người đến sau phải thực hiện. Tôi ước mong rằng những khai-phá của CCVN cũng như NPVN sẽ sớm được những người trẻ tiếp nhận, bổ sung những điểm còn thiếu khuyết vì rằng, các khả-tính mà NPVN.2017 còn để ngỏ là vô-cùng. Đồng thời, tôi cũng mong sao những thành-tựu này sẽ sớm được nghiên cứu, được thẩm định bởi những người có thẩm-quyền về vấn-đề và chúng – các thành-tựu ấy – sẽ sớm được đưa vào giảng dạy để các thế-hệ trẻ Việt Nam có thể được học một thứ ngữ-pháp Việt giản-dị, khoa-học đúng như nó là. [Cái] mộng-ước này có thể chỉ là [một điều] không-tưởng, nhưng vì là một í mà trong lòng tôi cuu mang, nên vẫn được viết ra.

NPVN.2017 cũng sẽ là một cẩm-nang để Việt-ngữ tiến vào thời-đại ngữ-lí-học điện-toán-cơ, thời-đại mà ở đó, chúng ta phải làm việc với các máy AI (trí-khôn nhân-tạo). Tôi không đủ kiến-thức để có thể nói nhiều về một thời chưa tới, nhưng sự chuẩn-bị của mỗi người, của chúng ta là một việc mà chắc chắn rằng, bất-kì một người nào cũng phải thực hiện, hằng ngày.

Tác-giả bài viết này xin tạ lỗi trước GS TRẦN NGỌC NINH nếu trong nội-dung bài viết có điều gì không đúng với í của GS, vì rằng lĩnh-vực ngữ-lí quá lớn rộng đối với một người không được học một cái học chuyên-môn về ngữ-lí-học như Đấng Thành nên những sai-sót và quá đà trong các nhận-định rất có thể sẽ có mặt. Các sai lầm khác, nếu lỡ xuất hiện trong bài viết, chúng tôi cũng kính mong quý-vị thiện-tri-thức thạc-học vui lòng chỉ bảo cho; Đấng Thành xin chân thành cảm tạ.

‘CƠ-CẤU VIỆT-NGỮ’ và ‘NGỮ-PHÁP VIỆT-NAM’ là những bộ sách nền ngữở tầng cao nhất của cái kệ sách mà mỗi gia-đình người Việt đều nên có. Và tôi chân-thành kính đề nghị tất-cả chư-vị độc-giả, ‘hãy đến để tự mình thấy!’.

*Vân Canh, kì nghỉ Tết Dương-lịch 2019.*

**Trần Đấng Thành**

**Ghi chú:**

(\*): Trước năm 1975 tại [miền Nam Việt Nam](#), học-vị “*Thạc sĩ*” là một học-vị chuyên-môn trên [Tiến-sĩ](#), dành cho những Tiến-sĩ muốn làm giáo-sư đại-học ([Tiếng Pháp](#): *professeurs agrégés des universités*).

---

**Nguồn:** <https://trangngaunhien.wordpress.com/2019/03/08/cau-chuyen-ngu-phap-viet-nam-tran-ngoc-ninh-tu-co-cau-viet-ngu-1973-den-ngu-phap-viet-nam-2017-tran-dang-thanh/>

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

